TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Số: 728 /XMST-KHCL
V/v mời chào giá Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI))

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 28 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI)

(Chi tiết danh mục khối lượng, yêu cầu kỹ thuật và các điều khoản có trong thư mời chào giá kèm theo)

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá để chúng tôi xem xét, đánh giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Trước 10 h 00 ngày 4 /08/2021;**

Thư báo giá sẽ được mở công khai: **Hồi 10 h 10, ngày 4 / 08/2021**

Thư chào giá của Nhà cung cấp được để trong phong bì dán kín, có niêm phong, số lượng gồm 03 bộ: 01 bộ gốc và 02 bộ sao y.

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (https://www.ximangsongthao.com.vn) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ: 0705434054 (Ms Quyên).

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban giám đốc (b/c);
- Phòng: KHCL;
- Lưu: VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
M.S.D.N: 2600477092-C.T.C.P
H.THANH BA-T.PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói mua sắm: Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI)

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phú Thọ, tháng 7/2021

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2021/XI
Tên gói mua sắm:	Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI)
Thuộc Phương án mua sắm:	Mua xỉ photpho và tro đáy phục vụ sản xuất 04 tháng cuối năm 2021

PHÒNG KHCL
Trưởng Phòng

Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
H. THANH BA - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2021.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp.

3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu (Bảng tổng hợp chào 03 và bảng giá chi tiết 03A);

4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu

5. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

6. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **60 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên

mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá *(theo yêu cầu cụ thể trong Thư mời chào giá)* trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp theo quy định tại Thư chào giá này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự chào giá.

Trường hợp đặt cọc bằng tiền thì nộp trực tiếp tại trụ sở Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao hoặc chuyển khoản theo số tài khoản sau với nội dung " công ty….. nộp bảo đảm chào giá gói mua sắm:…….''):

Tên đơn vị thụ hưởng: Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao

Số TK 110 600 399 566 tại Ngân hàng công thương Việt Nam – CN Bắc Phú Thọ .

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự chào giá

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự chào giá: 30.000.000 đồng.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự chào giá: 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bảo đảm dự chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá thực hiện theo quy định sau:

a) Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá;

d) Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** (Các danh mục công việc phải được tổng hợp bằng mục lục và đóng quyển) Thư chào giá đồng thời ghi bên

ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ".

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ".

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

Địa chỉ nhận thư: Phòng kế hoạch chiến lược – Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao – Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ.

Điện thoại liên hệ: 0705434054 (Ms Quyên).

Những thư gửi không được đóng gói và gửi về địa chỉ theo đúng quy định tại điểm 1,2 mục này, trong trường hợp hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bị thất lạc, rách rời và không còn bảo mật trước thời điểm mở hồ sơ chào theo quy định thì Phòng kế hoạch chiến lược không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào đối với hồ sơ trên..

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại **Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp** phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại **Chương III – Biểu mẫu.**

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi** 10 **giờ** 00 **ngày** 4 **tháng 08 năm 2021.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **hồi** 10 **giờ** 10 **ngày** 4 **tháng 8 năm 2021** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ mở thư chào giá. Việc

mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá . Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại **Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá.**

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại **Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá** Thư chào giá;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: *Không áp dụng.*

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Ms Quyên (0705434054)

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

f) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
				Nhà cung cấp liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
				Nhà cung cấp liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	**Kết quả hoạt động tài chính**	Nộp báo cáo tài chính năm 2020 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà cung cấp. Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06
3.2	**Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh**	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là >= 3.300.000.000 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 06
3.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	Không quy định					
4	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự**	Số lượng tối thiểu 01 hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà cung cấp đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ trong vòng 03 năm (2018;2019;2020): Hợp đồng cung cấp xỉ xỉ photpho làm phụ gia xi măng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 07

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
				Nhà cung cấp liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
		Mỗi hợp đồng có giá trị ≥ 1,5 tỷ đồng (bản sao công chứng)					

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Chủng loại, qui cách sản phẩm, xuất xứ	Đạt	Không đạt
I	**Về phạm vi, yêu cầu cung cấp**			
1	Chủng loai: Xỉ photpho		Xỉ phốt pho sản xuất	Không đúng chủng loại
2	Khối lượng		≥ 8.000 tấn	< 8.000 tấn
3	Nếu đơn vị tham gia chào giá không phải là các nhà máy có Xỉ photpho thì **phải cung cấp hợp đồng mua bán** (hợp đồng nguyên tắc) với nhà máy hoặc đơn vị được ủy quyền phân phối sản phẩm xỉ phốt pho, thời gian còn hiệu lực của hợp đồng phải >12 tháng.		Đáp ứng theo yêu cầu	Không đáp ứng theo yêu cầu
II	**Đặc tính chỉ tiêu kỹ thuật**			
1	Nhà thầu phải cung cấp phiếu kết quả thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm hợp chuẩn có đủ tư cách pháp nhân, không bao gồm phòng thí nghiệm của bên mời thầu trước thời thời điểm mở thầu thì được coi là hợp lệ		Đáp ứng theo yêu cầu	Không đáp ứng theo yêu cầu
2	**Chỉ tiêu kỹ thuật**	Hàm lượng SiO_2 (%)	≥ 30,0	< 30,0
		Hàm lượng CaO (%)	≥ 40,0	< 40,0
		Hàm lượng Al_2O_3 (%)	≤ 7,0	> 7,0
		Hàm lượng MgO (%)	≤ *5,0*	> 5,0
		Hàm lượng MKN (%)	≤ 3,0	> 3,0
		Hàm lượng P_2O_5 tổng (%)	≤ 2,0	> 2,0
		Căn không tan (CKT) (%)	≤ 5,0	> 5,0
		Độ ẩm nhập hàng (%) Độ ẩm thanh toán (%)	≤ 14,0 ≤ 8,0	>14,0 > 8,0
		Chỉ số hoạt tính IR28 ≥ 85% (Phân tích 1 mẫu/1 tháng)	Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng theo yêu cầu

		Kiềm có hại sau 28 ngày ≤90%	Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng theo yêu cầu
3	**Chất lượng hàng hóa**	Phù hợp tiêu chuẩn: 6882:2001 Xỉ phốt pho phải có mầu sắc đồng đều, không lẫn tạp chất cát, đá, sỏi, hợp kim sắt thép và các tạp chất khác….	Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng theo yêu cầu
5	**Tính hợp lệ của hàng hóa và phượng tiện vận chuyển**	- Đơn vị cung cấp cam kết chịu hoàn toàn về tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định của nhà nước cho toàn bộ khối lượng Xỉ phốt pho khi giao cho Bên mua - Cam kết về phương tiện vận chuyển phù hợp với hàng hóa vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước	Cam kết đáp ứng yêu cầu	Không có cam kết đáp ứng yêu cầu
6	**Điều kiện nghiệm thu**	Theo mục 3 Yêu cầu kỹ thuật chương V	Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng theo yêu cầu
II	**Về thời gian và Địa điểm giao hàng**			
1	- Giao hàng theo từng đợt, theo yêu cầu bên mua - Giao hàng tại kho của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao		Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng theo yêu cầu

HSĐXKT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "đạt" thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá HSĐXTC.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà

cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói mua sắm: _____ *[Ghi tên gói mua sắm]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói mua sắm ____*[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là _____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.

5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[4], kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá [5].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[6]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp],* là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà cung cấp]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm_ *[Ghi tên Phương án mua sắm]* do _ *[Ghi tên bên mời chào giá]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*. ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

Mẫu số 03

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI)	Tấn	8.000			
	Thuế VAT 10%					
	Cộng giá trị sau thuế					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%, giao hàng trên phương tiện bên bán tại kho Công ty cổ phần xi măng Sông Thao; Giá đã tính bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không tạm ứng, thanh toán chậm trong vòng 30 ngày và các chi phí khác có liên quan.

Mẫu số 03A

BẢNG PHÂN TÍCH GIÁ CHÀO
(Tính 01 tấn xỉ photpho)

STT	Chỉ tiêu chi phí	ĐVT	Định mức vật tư	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Ghi chú
1	Đơn giá nhập	tấn	1,00			
2	Chi phí vận chuyển từ ..... đến	tấn	1,00			
3	Chi phí khác có liên quan	tấn	1,00			
	Tổng cộng					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%, giao hàng trên phương tiện bên bán tại kho Công ty cổ phần xi măng Sông Thao; Giá đã tính bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không tạm ứng, thanh toán chậm trong vòng 30 ngày và các chi phí khác có liên quan.

Mẫu số 04

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*
Tên gói mua sắm: ____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]*
Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số____*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____*[Ghi tên bên mời chào giá]* phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 05

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ [1]

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSCG			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSCG. ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSCG.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)**
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và HSCG sẽ bị loại.

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP[1]

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có):_____

Số liệu tài chính cho 01 năm gần nhất [2] [VND]
Năm 2020

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán
Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh[3]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho năm gần nhất[4], như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau: 1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSCG.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp

Mẫu số 07

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

___, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*	
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*	
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*	
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	*[ghi thông tin phù hợp]*	
2. Về giá trị	*[ghi số tiền bằng VND]*	
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*	
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản sao y công chứng các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (hồ sơ thanh quyết toán, hóa đơn giá trị gì tăng...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

STT	Tên vật tư	Mô tả	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Xỉ photpho	Theo các nội dung yêu cầu tại mục 3	Tấn	8.000	Trong nước

Mục 2. Thời gian thực hiện và tiến độ cung cấp.

- Thời gian thực hiện: 04 tháng

Hàng hóa được cung cấp theo từng đợt, khối lượng từng đợt theo đơn đặt hàng của Bên A và Bên A sẽ thông báo trước 5 ngày

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu
1	**Chỉ tiêu kỹ thuật**	
	Hàm lượng SiO_2 (%)	≥ 30
	Hàm lượng CaO (%)	≥ 40
	Hàm lượng Al_2O_3 (%)	≤ 7
	Hàm lượng MgO (%)	≤ 5
	Hàm lượng MKN (%)	≤ 3
	Hàm lượng P_2O_5 tổng (%)	≤ 2
	Căn không tan (CKT) (%)	≤ 5
	Độ ẩm nhập hàng (%) Độ ẩm thanh toán (%)	≤ 14 <8
	Chỉ số hoạt tính IR 28 ngày	≥ 85
	Kiềm có hại sau 28 ngày	≤ 90
2	**Nguồn gốc hàng hóa**	
	Nếu đơn vị tham gia chào giá không phải đơn vị sản xuất ra xỉ phopho thì **phải cung cấp hợp đồng mua bán** (hợp đồng nguyên tắc) với nhà máy hoặc đơn vị do nhà máy sản xuất ủy quyền phân phối sản phẩm Xỉ photpho.	
3	**Chất lượng hàng hóa**	
3.1	Phù hợp tiêu chuẩn: 6882:2001 Xỉ phopho phải có mầu sắc đồng đều, không lẫn tạp chất cát, đá, sỏi, hợp kim sắt thép và các tạp chất khác….	
3.2	Tính hợp lệ của hàng hóa - Đơn vị cung cấp cam kết chịu hoàn toàn về tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định của nhà nước cho toàn bộ khối lượng xỉ photpho khi giao cho Bên mua	

TT	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu
3.3	Cam kết về phương tiện vận chuyển phù hợp với hàng hóa vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước	
4	**Về thời gian và Địa điểm giao hàng** : Giao hàng theo từng đợt, theo yêu cầu bên mua Giao hàng tại kho của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao	
5	**Điều kiện nghiệm thu**	
	Trên cơ sở kết quả kiểm tra phân tích mẫu của từng lô hàng cung cấp, đáp ứng đủ điều kiện thì Hai Bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hàng hóa như sau: 1. Trường hợp hàng hóa có độ ẩm toàn phần ≤ 8,0% thì khối lượng thanh toán lấy theo khối lượng thực tế qua cân của Bên A. **2.** Đối với các lô hàng có độ ẩm toàn phần > 8,0% và ≤ 14 % thì được quy về 8,0% để tính khối lượng thanh toán và được xác định theo công thức: $$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100 - 8{,}0\%}$$ *Trong đó:* *M: Khối lượng Tro đáy thanh toán tương ứng với độ ẩm trung bình là 8,0%.* *M_{tt} : Khối lượng thực giao nhận qua cân của Bên A (tương ứng độ ẩm thực tế).* *W^{tp}_{tt} : Độ ẩm thực tế giao nhận của Tro đáy (tại kho Bên A theo kết quả phân tích của Bên A và được Bên B thống nhất).*	

Mục 4. Kiểm tra và lấy mẫu, phân tích:

- Lấy mẫu: Theo hướng dẫn XMST-TN.HD.
- Phân tích: Theo hướng dẫn XMST-TN.HD.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ
V/v: Cung cấp xỉ photpho cho 04 tháng cuối năm 2021
Số: /2021 /HĐKT

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-XMST ngày ..../..../2021 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp: Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI) (ký hiệu XMST/2020/XPP);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. Bên A	**: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**	
Địa chỉ	: Xã Ninh Dân; Huyện Thanh Ba; Tỉnh Phú Thọ;	
Điện thoại	: 0210 3884 927	Fax: 0210 3884 929;
Tài khoản số	: 102010000726571	
Ngân hàng	: Thương mại CP công thương Việt Nam, Chi nhánh Đền Hùng.	
Mã số thuế	: 260 027 9082;	
Đại diện	: Ông **Nguyễn Quang Huy**	Chức vụ: Tổng giám đốc
II. Bên B	**: .....**	
Địa chỉ	:	
Điện thoại	:	Fax: .....
Tài khoản số	:	
Ngân hàng	:	
Mã số thuế	:	
Đại diện	:	Chức vụ: Giám đốc

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN CỤ THỂ SAU ĐÂY:

Điều 1. Nội dung hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý cung cấp Mua xỉ photpho 04 tháng cuối năm 2021 (ký hiệu: XMST/2021/XI) phục vụ sản xuất năm 2020 của Bên A với khối lượng và các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:
1.1. Khối lượng cung cấp khoảng: 8.000 tấn.

a. Khối lượng trên là tạm tính, khối lượng thực tế mua bán có thể tăng, giảm theo đơn đặt hàng của Bên A trong thời hạn thực hiện Hợp đồng. Hai Bên không phải lập phụ lục điều chỉnh tăng, giảm khối lượng Hợp đồng.

b. Khối lượng cung cấp hàng tháng sẽ được Bên A thông báo cho Bên B trước 05 ngày.

1.2. Năng lực cung cấp đáp ứng ≥ 1.000 tấn/ngày.

1.3. Quy cách, phẩm chất, tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Hàm lượng SiO_2 (%)	%	≥ 30,0
2	Hàm lượng CaO (%)	%	≥ 38,0
3	Hàm lượng Al_2O_3 (%)	%	≤ 7,0
4	Hàm lượng MgO (%)	%	≤ *5,0*
5	Hàm lượng MKN (%)	%	≤ 3,0
6	Hàm lượng P_2O_5 tổng (%)	%	≤ 2,0
7	Căn không tan (CKT) (%)	%	≤ 5,0
8	Độ ẩm nhập hàng (%) Độ ẩm thanh toán (%)	% %	≤ 14,0 <8,0
9	Chỉ số hoạt tính IR28	%	≥ 85
10	Kiềm có hại sau 28 ngày	%	≤ 90

a. Hàng hóa phải có màu sắc đồng đều, Xỉ photpho có nguồn gốc từ các nhà máy nhiệt điện khác, không lẫn đất đá, bê tông, sắt thép, tạp chất hữu cơ...v.v.

b. Các chỉ tiêu chất lượng:

- Lấy mẫu: Theo hướng dẫn XMST-TN.HD.
- Phân tích: Theo hướng dẫn XMST-TN.HD.
- Chỉ tiêu số 7 Chỉ số hoạt tính IR28 ≥ 85% làm 1 mẫu/1 tháng/1 nhà cung cấp; chỉ tiêu số 8 Kiềm có hại sau 28 ngày ≤ 90 % làm khi có yêu cầu

1.4. Đơn giá Xỉ photpho có độ ẩm trung bình 8%, giao hàng tại Kho của Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ (chưa bao gồm 10% thuế GTGT) là: **..... đồng/tấn** *(bằng chữ: ..... đồng trên một tấn).*

Điều 2. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 31/12/2021.

Điều 3. Địa điểm, phương thức giao nhận, xác nhận khối lượng thanh toán:

3.1. Địa điểm giao nhận: tại kho Bên A, xã ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

3.2. Phương thức giao nhận về khối lượng: Qua cầu cân của Bên A.

3.3. Lấy mẫu xác định chất lượng:

a. Trước khi Hai Bên tiến hành lấy mẫu hàng hóa, Bên A tiến hành kiểm tra sơ bộ chất lượng của xe hàng bằng cảm quan về: độ ẩm; tạp chất.....

b. Trước khi hàng hóa tạm nhập kho của Bên A, Hai Bên cử đại diện cùng lấy mẫu của từng xe hàng (việc lấy mẫu sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Bên A) và phân tích mẫu chung của cả lô hàng (trong 01 ngày). Mỗi mẫu được chia thành 02 phần: 01 mẫu giao cho Bên A, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện Hai Bên cùng ký, niêm phong và giao Bên A giữ và bảo quản. Bên A phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích mẫu cho Bên B trong vòng 36 giờ từ khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu được thực hiện theo quy định hiện hành.

c. Trong quá trình giao nhận, nếu có khiếu nại về chất lượng hàng hoá, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B để phối hợp xem xét, xử lý.

d. Trường hợp kết quả phân tích của Các Bên có sai lệch mà Hai Bên không thỏa thuận được, thì mẫu lưu (do Bên A giữ còn nguyên niêm phong), được đại diện Hai Bên cùng đưa đến một cơ quan giám định độc lập, do Hai Bên thống nhất chỉ định, để giám định

đối chứng. Kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng. Mọi chi phí phát sinh do Bên sai chịu.

3.4. Nghiệm thu, xác nhận khối lượng thanh toán: Trên cơ sở kết quả kiểm tra phân tích mẫu của từng lô hàng cung cấp, Hai Bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hàng hóa mua bán giữa Hai Bên đối với khối lượng hàng hoá đạt yêu cầu chất lượng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng. Biên bản nghiệm thu yêu cầu phải có phiếu ghi rõ tên phương tiện vận chuyển, số xe vận chuyển, ngày vận chuyển, khối lượng vận chuyển, kèm phiếu kết quả chất lượng của từng lô hàng (trong 01 ngày).

- Độ ẩm thanh toán:
- Độ ẩm tính khối lượng nhập:

+ Nếu độ ẩm hàng hóa ≤8% khối lượng thanh toán lấy theo thực tế qua cầu cân Bên A;

+ Nếu độ ẩm hàng hóa > 8% và ≤ 14% thì khối lượng tính hàng để thanh toán được quy về 8% theo công thức sau:

$$M_{TT} = M_{GN} \times \frac{100\% - W_{tt}\%}{100\% - 8\%}$$

Trong đó:

- *M_{TT} : Khối lượng thanh toán của hàng hóa được quy về độ ẩm 8%.*
- *M_{GN} : Khối lượng giao nhận qua cầu cân Bên A.*
- *W_{tt} : Độ ẩm thực tế giao nhận.*

Điều 4. Thanh, quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

4.1. Thanh toán hợp đồng: Thanh toán hàng tháng. Hồ sơ thanh toán gồm:

a. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

b. Bản xác nhận giá trị khối lượng thanh toán trong tháng giữa Hai Bên;

c. Biên bản nghiệm thu và xác định khối lượng thanh toán hàng hoá giữa Hai Bên kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu của Bên A cho từng lô hàng trong tháng;

d. Hóa đơn giá trị gia tăng;

4.2. Thời gian thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đủ bộ hồ sơ thanh toán của tháng cung cấp, Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị thanh toán.

4.3. Quyết toán và thanh lý: Hết thời gian thực hiện, nếu Hai Bên không có văn bản thỏa thuận gia hạn hoặc bổ sung thì Hợp đồng sẽ tự hết hiệu lực.

4.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ giữa Hai Bên.

4.5. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 6. Trách nhiệm của Các Bên:

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

a. Chuẩn bị kho bãi, và bố trí người để cân và tạm tiếp nhận hàng hóa để giải phóng phương tiện cho Bên B.

c. Tổ chức việc lấy mẫu, kiểm tra từng xe hàng và phân tích chất lượng từng lô hàng (trong 01 ngày) khi giao nhận.

d. Có quyền từ chối không nhận số lượng hàng hóa không đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.

e. Tổ chức nghiệm thu khối lượng hàng hóa đạt chất lượng theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng và xác định khối lượng thanh toán trên cơ sở kết quả phân tích mẫu của lô hàng cung cấp.

f. Thanh toán cho Bên B và quyết toán, thanh lý Hợp đồng theo đúng quy định.

6.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Bên B có trách nhiệm phải chịu hoàn toàn về tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định của nhà nước cho toàn bộ khối lượng xỉ photpho giao cho Bên A.

b. Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng khối lượng, chất lượng, tiến độ theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng.

c. Cung cấp các chứng từ thanh toán theo qui định tại Điều 4 của Hợp đồng.

d. Phối hợp với Bên A lấy mẫu, cân đong khối lượng hàng hóa nghiệm thu hàng hóa; cung cấp cho Bên A các giấy tờ phục vụ cho việc thanh quyết toán theo quy định của Hợp đồng và xử lý các vấn đề khác (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa Hai Bên.

Điều 7. Phạt vi phạm Hợp đồng:

7.1. Nếu xe hàng không đảm bảo đủ các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng qui định tại Điều 1 thì Bên B sẽ chịu mức phạt cụ thể như sau:

a. Nếu xe hàng có màu sắc không đồng đều, hoặc lẫn đất đá, bê tông, sắt thép, tạp chất hữu cơ...v.v thì mức phạt là **1.000.000 đồng/xe** hàng vi phạm với tất cả các tải trọng xe.

b. Nếu lô hàng có một trong số các chỉ tiêu về hàm lượng SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, Al_2O_3, mất khí nung, độ ẩm, không đạt yêu cầu theo qui định tại Điều 1 thì mức phạt sẽ được tính như sau:

$$\mathbf{T = M * 2* (K_{tt} - K_{hđ}) * G}$$

Trong đó:

+ T: Là số tiến Bên B sẽ phải chịu phạt cho 01 tấn hàng bị vi phạm do không đạt một trong số các chỉ tiêu về hàm lượng SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, Al_2O_3, mất khí nung, độ ẩm, không đạt yêu cầu theo qui định tại Điều 1 của Hợp đồng.

+ 2: Là Hệ số tăng mức phạt.

+ M: Khối lượng thanh toán Xỉ photpho của xe vi phạm tương ứng với độ ẩm là 10%.

+ K_{tt} : Hàm lượng thực tế của một trong số các chỉ tiêu về SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, Al_2O_3 của xe vi phạm (theo kết quả phân tích của Bên A và được Bên B thống nhất).

+ $K_{hđ}$: Hàm lượng yêu cầu của một trong số các chỉ tiêu về SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, Al_2O_3 theo qui định của Hợp đồng.

+ G: Đơn giá thanh toán Xỉ photpho theo qui định tại Khoản 1.4 Điều 1 của Hợp đồng là: ..... đồng/tấn (bằng chữ: ..... đồng trên một tấn).

c. Tổng số tiền phạt 01 tấn hàng không đảm bảo đủ các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng qui định tại Điều 1 là không quá **50.000 đồng/tấn**, nếu vượt quá mức trên thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B vận chuyển về và cung cấp cho Bên A xe hàng khác.

7.2. Trường hợp Bên B không hoàn thành tiến độ hàng tháng theo kế hoạch lấy hàng của Bên A, Bên B sẽ chịu mức phạt 0.5% giá trị khối lượng hàng hóa bị chậm cho 01 ngày

chậm, nhưng không quá 8% giá trị hợp đồng. Thời gian giao hàng chậm không quá 12 ngày, nếu quá thời gian quy định Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B chịu mọi khoản phí phát sinh (trừ trường hợp bất khả kháng).

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Phú Thọ trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

Điều 8. Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận. Không Bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở Bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình qui định trong Hợp đồng này.

8.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, Hai Bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của Mỗi Bên và quyền lợi của Nhà nước. Nếu Hai Bên không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án để xét xử theo quy định.

8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Nguyễn Quang Huy	.....
Tổng giám đốc	Giám đốc